

Bản án số: 252/2024/DS-ST

Ngày: 14 - 8 - 2024

Về việc: Tranh chấp về hợp đồng
dân sự vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 6, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Kim Sa

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thanh Truyền

2. Bà Đặng Thu Hà

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Ngọc Quân - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 6 tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thanh Hà – Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trong ngày 14 tháng 8 năm 2024 tại Phòng xử án dân sự trụ sở Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 102/2024/TLST-DS ngày 09/04/2024, về việc: “Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 142/2024/QĐXXST-DS ngày 01 tháng 7 năm 2024 và quyết định hoãn phiên tòa số 101/2024/QĐST-DS ngày 17 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ngân hàng TMCP S

Địa chỉ trụ sở: Lầu H, 2 N, phường V, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Công ty TNHH MTV Q và khai thác tài sản Ngân hàng S (Công ty S1)

Địa chỉ: số B N, Phường V, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của công ty TNHH MTQ quản lý nợ và khai thác tài sản Ngân hàng S: Ông Trần Gia T, sinh năm 1971 (giấy ủy quyền số 5501/2023/UQ-TGD ngày 29/12/2023). (vắng mặt – có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt)

- **Bị đơn:** Bà Quách Mỹ T1- sinh năm 1988 (vắng mặt)

Địa chỉ: 1 M, Phường E, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 01/02/2024 của Ngân hàng Thương mại cổ phần S (sau đây viết tắt là Ngân hàng) cùng lời khai của đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng trình bày như sau:

Bà Quách Mỹ T1 có ký với Ngân hàng Thương mại cổ phần S hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng bao gồm: giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 21/09/2022 được duyệt cấp thẻ ngày 22/09/2022 và bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng có hiệu lực từ ngày 29/11/2019, để vay tiền của Ngân hàng sử dụng vào mục đích tiêu dùng cá nhân. Căn cứ thu nhập của bà T1, Ngân hàng đồng ý cấp thẻ tín dụng số 472074-5783 với hạn mức tín dụng là 30.000.000 đồng. Theo bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, hai bên thỏa thuận tiền lãi phải trả theo lãi suất do Ngân hàng áp dụng. Ngân hàng đã phát hành và gửi cho bà T1 thẻ tín dụng số 472074-5783.

Sau khi được cấp thẻ tín dụng, đến ngày 29/9/2022 bà T1 đã thực hiện đăng ký và xác nhận đồng ý với Phụ lục 2 Điều kiện và điều khoản vay tiêu dùng trên ứng dụng S2, để vay trực tuyến trên S2 số tiền là 27.000.000 đồng sử dụng vào mục đích tiêu dùng cá nhân, lãi suất áp dụng theo quyết định của S2 về lãi suất góp đều là 1,2%/tháng (theo Quyết định số 2321/2022/QĐ-TTT ngày 19/9/2022), quy đổi sang lãi suất theo phương thức giảm dần theo thỏa thuận tại mục 1.6 Phụ lục 2 Điều kiện và điều khoản vay tiêu dùng trên ứng dụng S2 là 1,55%/tháng, trả góp cả gốc và lãi vào ngày 25 hàng tháng trong 18 tháng. Khoản vay tiêu dùng này được giải ngân cho bà T1 qua số tài khoản 3255100467. Sau khi vay bà T1 đã trả cho ngân hàng số tiền tổng cộng là 3.654.000 đồng và ngưng trả nợ từ ngày 26/01/2023 đến nay. Ngân hàng đã nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng bà T1 không trả đủ số tiền còn nợ, nên ngày 26/04/2023 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ của bà T1 và chuyển toàn bộ dư nợ của khoản vay tiêu dùng nêu trên sang nợ gốc quá hạn với số tiền là 26.014.000 đồng, lãi suất quá hạn là 2,325%/tháng.

Ngân hàng Thương mại cổ phần S yêu cầu cá nhân bà Quách Mỹ T1 thanh toán tổng số tiền tính đến ngày 14/8/2024 là 35.630.797 đồng, trong đó dư nợ gốc là 26.014.000 đồng, lãi quá hạn là 9.616.797 đồng và tiếp tục thanh toán lãi phát sinh từ ngày 15/8/2024 cho đến khi trả hết nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

- Bà Quách Mỹ T1 không có ý kiến, không đến Tòa án nhân dân Quận 6 để làm bản tự khai, không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, cũng như vắng mặt tại phiên tòa và không có văn bản nêu ý kiến.

- Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân Quận 6 phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án; và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn chịu Toàn bộ án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, cùng ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 6 tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết, thủ tục tố tụng:

Ngày 01/02/2024 Ngân hàng Thương mại cổ phần S đã nộp đơn khởi kiện đề ngày 01/02/2024 trong đó ghi người bị kiện là bà Quách Mỹ T1 có địa chỉ là 1 M, Phường E, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân Quận 6 không tổng đạt được thông báo về việc thụ lý vụ án, do bà T1 không còn cư trú tại địa chỉ mà Ngân hàng cung cấp (theo kết quả xác minh của Công an P Quận F). Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà T1 trả số tiền vay còn nợ theo giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng đề ngày 21/9/2022, có ghi địa chỉ của bà T1 là 1 M, Phường E, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh. Như vậy, Ngân hàng đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú của bà T1, nhưng bà T1 thay đổi nơi cư trú mà không thông báo cho Ngân hàng biết về nơi cư trú mới theo quy định tại khoản 3 Điều 40 Bộ luật Dân sự, là đã cố tình giấu địa chỉ. Vì vậy, căn cứ điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017, Tòa án nhân dân Quận 6 tiếp tục giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

Ngân hàng Thương mại cổ phần S yêu cầu trả số tiền vay còn nợ đối với bà Quách Mỹ T1, có nơi cư trú cuối cùng tại 1 M, Phường E, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh, do đó đây là tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 6 theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35,

điểm a khoản 1 Điều 40 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh đã tiến hành thủ tục niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng cho bà Quách Mỹ T1 theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Xét bà T1 là bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không đến dự phiên tòa và Ngân hàng Thương mại cổ phần S do ông Trần Gia T đại diện theo ủy quyền có đơn xin xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà Quách Mỹ T1 là bị đơn, và ông Trần Gia T đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng Thương mại cổ phần S là nguyên đơn.

[2]. Về yêu cầu của nguyên đơn:

Tòa án nhân dân Quận 6 đã niêm yết hợp lệ cho bà Quách Mỹ T1 thông báo thụ lý số 292/TB-TLVA ngày 09/4/2024 về việc thụ lý vụ án “Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản” theo đơn khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần S yêu cầu bà T1 trả tiền vay còn nợ. Phía bà T1 không có văn bản ghi ý kiến, cũng như không đến Tòa án nhân dân Quận 6 theo giấy triệu tập để trình bày ý kiến, chứng tỏ bà T1 đã “*không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu ...*” mà bên Ngân hàng đưa ra. Chính vì vậy, căn cứ khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân Quận 6 công nhận những tình tiết, sự kiện và tài liệu do Ngân hàng đưa ra có giá trị chứng minh.

Theo giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 21/9/2022 được duyệt cấp thẻ ngày 22/9/2022, Phụ lục 2 bản điều kiện và điều khoản vay tiêu dùng trên ứng dụng S2 và Giấy đề nghị kiêm hợp đồng tín dụng kiêm giấy nhận nợ số LD0000134028 ngày 29/9/2022, cùng lời khai của đại diện Ngân hàng cho thấy giao dịch giữa Ngân hàng và bà T1 là “Hợp đồng vay tài sản” có đủ điều kiện theo quy định tại Điều 117, Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015 nên có hiệu lực thực hiện theo thỏa thuận: bà Quách Mỹ T1 vay của Ngân hàng số tiền 27.000.000 đồng, mục đích vay tiêu dùng, phương thức vay góp đều gốc và lãi vào ngày 25 hàng tháng trong 18 tháng, lãi suất áp dụng theo quyết định của S2 về lãi suất góp đều là 1,2%/tháng (theo Quyết định số 2321/2022/QĐ-TTT ngày 19/9/2022), quy đổi sang lãi suất theo phương thức giảm dần theo thỏa thuận tại mục 1.6 Phụ lục 2 Điều kiện và điều khoản vay tiêu dùng trên ứng dụng S2 là 1,55%/tháng, lãi suất quá hạn là 2,325%/tháng.

Đại diện Ngân hàng T2: Ngân hàng đã giải ngân cho bà T1 số tiền vay 27.000.000 đồng nêu trên qua số tài khoản 3255100467. Sau khi vay bà T1 đã trả cho ngân hàng số tiền tổng cộng là 3.654.000 đồng và ngưng trả nợ từ ngày 26/01/2023 đến nay. Ngân hàng đã nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng bà T1 không trả đủ số tiền còn nợ, nên ngày 26/04/2023 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ của bà T1 và chuyển toàn bộ dư nợ của khoản vay tiêu dùng nêu trên sang nợ gốc quá hạn với số tiền là 26.014.000 đồng.

Như vậy, bà T1 đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ theo thỏa thuận của hợp đồng. Do đó, căn cứ khoản 1 và khoản 5 Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015; Luật các tổ chức tín dụng; Thông tư số 12/2010/TT-NHNN ngày 14/4/2010; khoản 4 Điều 13 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016, bà T1 có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng tiền nợ vay gồm: nợ gốc là 26.014.000 đồng, lãi quá hạn tính đến ngày xét xử (tức ngày 14/8/2024) là 9.616.797 đồng, tổng cộng là 35.630.797 đồng.

Về thời hạn thanh toán: Số tiền bà T1 còn thiếu nêu trên đến nay đã quá hạn thanh toán theo thỏa thuận, nên căn cứ Điều 278 Bộ luật Dân sự thì phải trả cho Ngân hàng toàn bộ số tiền 35.630.797 đồng ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Căn cứ Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019, bà T1 còn phải trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S tiền lãi theo lãi suất quá hạn thỏa thuận

trong giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 21/9/2022 được duyệt cấp thẻ ngày 22/9/2022, Phụ lục 2 bản điều kiện và điều khoản vay tiêu dùng trên ứng dụng S2 và Giấy đề nghị kiêm hợp đồng tín dụng kiêm giấy nhận nợ số LD0000134028 ngày 29/9/2022, trên dư nợ gốc chưa trả, tính từ ngày 15/8/2024 đến khi trả hết nợ.

Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp và đúng quy định của pháp luật.

[3]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016:

Bà Quách Mỹ T1 phải trả cho Ngân hàng số tiền nợ vay nêu trên, nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: 1.781.540 đồng.

Ngân hàng được chấp nhận toàn bộ yêu cầu nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, nên được hoàn trả lại toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 773.332 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0009759 ngày 09/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 6.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 40, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 266 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 278, Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019; Luật các tổ chức tín dụng; Thông tư số 12/2010/TT-NHNN ngày 14/4/2010; Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016; Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của Ngân hàng Thương mại cổ phần S:

Buộc bà Quách Mỹ T1 trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S số tiền vay còn nợ 35.630.797 đồng (trong đó: nợ gốc là 26.014.000 đồng, lãi quá hạn tính đến ngày 14/8/2024 là 9.616.797 đồng) đối với khoản vay tiêu dùng trên ứng dụng S2 (được giải ngân qua số tài khoản 3255100467) theo giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 21/9/2022 được duyệt cấp thẻ ngày 22/9/2022, Phụ lục 2 bản điều kiện và điều khoản vay tiêu dùng trên ứng dụng S2 và Giấy đề nghị kiêm hợp đồng tín dụng kiêm giấy nhận nợ số LD0000134028 ngày 29/9/2022.

Bà Quách Mỹ T1 phải trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S toàn bộ số tiền 35.630.797 (ba mươi lăm triệu sáu trăm ba mươi ngàn bảy trăm chín mươi bảy) đồng nêu trên làm một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Bà Quách Mỹ T1 còn phải trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S tiền lãi theo lãi suất quá hạn thỏa thuận tại giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 21/9/2022 được duyệt cấp thẻ ngày 22/9/2022, Phụ lục 2 bản điều kiện và điều khoản vay tiêu dùng trên ứng dụng S2 và Giấy đề nghị kiêm hợp đồng tín dụng kiêm giấy nhận nợ số LD0000134028 ngày 29/9/2022, trên dư nợ gốc chưa trả, tính từ ngày 15/8/2024 đến khi trả hết nợ vay.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Quách Mỹ T1 phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 1.781.540 (một triệu bảy trăm tám mươi một ngàn năm trăm bốn mươi) đồng.

Hoàn trả lại cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 773.332 (bảy trăm bảy mươi ba ngàn ba trăm ba mươi hai) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0009759 ngày 09/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 6.

4. Về quyền kháng cáo: Ngân hàng Thương mại cổ phần S và bà Quách Mỹ T1 có

quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 6;
- Chi cục thi hành án dân sự Quận 6;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Kim Sa